

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Ngô Thị Thùy Hiền

HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO NHÂN DÂN VIỆT NAM
TỪ 2011 ĐẾN NĂM 2018

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 62 31 02 06

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

Hà Nội - 2021

Mở đầu

1. Lý do lựa chọn đề tài

Từ thời cổ đại, các chính trị gia, nhà ngoại giao đã biết “công thành là hạ sách, chiếm được thành thông qua chiếm được lòng người mới là thượng sách”, các hoạt động mang tính chất ngoại giao nhân dân (NGND) xuất hiện sớm song đến thế kỷ XX nó mới thu hút được sự quan tâm nghiên cứu. Quá trình hợp tác, hội nhập quốc tế đã tạo ra sự phân công lao động toàn cầu, thúc đẩy các quốc gia phát triển đa dạng hoạt động ngoại giao. Quan hệ quốc tế (QHQT) phát triển, hoạt động ngoại giao hướng đến nhân dân, công chúng thế giới được các chủ thể QHQT coi trọng thực thi sôi động, hỗ trợ đắc lực cho việc đạt mục tiêu đối ngoại. Các chủ thể QHQT coi trọng việc khai thác sức mạnh của dòng chảy thông tin toàn cầu, các nguồn lực trong nhân dân, công luận quốc tế nhằm tăng sức cạnh tranh. Hoạt động ngoại giao theo đó có nhiều thay đổi về mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung và phương thức thực hiện. Thực tế này đòi hỏi nghiên cứu về ngoại giao trên các khía cạnh lý thuyết và thực tiễn trên các lĩnh vực khác nhau làm cơ sở cho hoạt động NGND Việt Nam.

Quá trình toàn cầu hóa với những tác động tích cực và tiêu cực đối với sự phát triển nhân loại đã thúc đẩy các tổ chức, cơ chế hợp tác nhân dân ra đời như: Diễn đàn nhân dân Á-Âu (1996), Diễn đàn nhân dân ASEAN (2006), Diễn đàn xã hội dân sự đối tác phía Đông (2009), phong trào chống mặt trái toàn cầu hóa. Điều này đã thúc đẩy các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các quỹ, viện nghiên cứu độc lập, tổ chức tín ngưỡng, tổ chức xã hội dân sự phát triển mạnh mẽ và ngày càng có tác động đến các quốc gia và QHQT. Việc nghiên cứu NGND Việt Nam trong quan hệ với các tổ chức này là cấp thiết nhằm làm rõ những thay đổi của NGND, xu thế hợp tác phát triển NGND trên thế giới, định vị vai trò và hoạt động NGND Việt Nam trong quan hệ với các tổ chức, cơ chế hợp tác nhân dân góp phần bổ sung về mặt lý luận, khoa học làm cơ sở cho hoạt động thực tiễn.

Trong quá trình thực thi chính sách đối ngoại của Việt Nam, hoạt động NGND đồng hành hỗ trợ cho công tác đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước. Trước sự phát triển của NGND trên thế giới và những nhân tố mới xuất hiện trong QHQT như: cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ 4; các vấn đề toàn cầu cấp bách; bùng

nỗ truyền thông đa phương tiện; các mối đe dọa an phi truyền thống gia tăng; tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; hợp tác nhân dân phát triển đa dạng đòi hỏi việc nghiên cứu NGND, nguồn lực và phương thức tập hợp quần chúng tham gia vào hoạt động ngoại giao. Trước thực tế đó NGND Việt Nam cần có sự thay đổi để thích ứng vì vậy việc nghiên cứu hoạt động NGND là quan trọng và cần thiết.

Sau khi Liên Xô tan rã, các tổ chức, cơ chế hợp tác nhân dân như Hội đồng Hòa bình thế giới, tổ chức hợp tác nhân dân Á-Phi, Liên đoàn phụ nữ dân chủ thế giới, công đoàn của giai cấp công nhân đứng trước nhiều khó khăn, hoạt động NGND Việt Nam trong quan hệ với các tổ chức, cơ chế này có những thay đổi như thế nào là hiện trạng cần nghiên cứu nhằm tiếp tục duy trì, củng cố quan hệ, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân các nước ủng hộ sự nghiệp đổi mới của Việt Nam, đồng thời thể hiện sự đóng góp của Việt Nam trong quan hệ với các tổ chức, cơ chế hợp tác này.

Sự phát triển của công nghệ truyền thông, mạng internet kết nối toàn cầu làm gia tăng các quan hệ dân sự xuyên biên giới, đây cũng là công cụ kết nối, tập hợp lực lượng, thu thập dữ liệu đầu vào cho việc kinh doanh thông tin, tri thức mà ưu thế thuộc về các nước sở hữu hạ tầng mạng thông tin. Quá trình lưu chuyển của các dòng tài chính, hàng hóa, dịch vụ dựa trên nền tảng internet đã thúc đẩy quan hệ nhân dân phát triển mạnh mẽ về quy mô, tốc độ đòi hỏi các nước phát triển đa dạng hoạt động NGND. Những tiện ích từ truyền thông mạng xã hội kết hợp với ưu thế của NGND là không bị gò bó vào các nghi lễ, quy định như trong ngoại giao chính thức, khả năng huy động chủ thể, nguồn lực phong phú, đáp ứng được đa dạng đối tượng của ngoại giao là thực tiễn cần nghiên cứu.

Trong lịch sử đấu tranh độc lập và giải phóng dân tộc, NGND Việt Nam có vai trò đóng góp phần không nhỏ vào thắng lợi của quốc gia, dân tộc. Ngày nay cục diện thế giới có nhiều thay đổi, các cơ chế, tổ chức hợp tác nhân dân truyền thống dựa trên ý thức hệ XHCN gặp phải khó khăn về mục tiêu đấu tranh, tài chính và tổ chức tập hợp lực lượng. Quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc ngày nay được thúc đẩy chủ yếu dựa trên lợi ích kinh tế, thêm vào đó là sự chống phá của thế lực cường quyền lợi dụng các vấn đề dân tộc, nhân quyền nhằm gia tăng ảnh hưởng, chi phối nước khác thông qua nhiều biện pháp trong đó có các chương trình hướng đến nhân dân, dư luận

quốc tế. Việt Nam kiên định con đường XHCN cũng trở thành mục tiêu của các thế lực chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, khối đại đoàn kết dân tộc, tìm lý do can dự nội bộ. Nghiên cứu hoạt động NGND nhằm chỉ rõ thành công, hạn chế, kinh nghiệm và sự điều chỉnh, bổ sung cần thiết, đây là việc làm có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn, góp phần thúc đẩy sự phát triển của NGND Việt Nam.

Trong quá trình hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ ngoại giao với đa dạng chủ thể QHQT đã thúc đẩy hoạt động NGND Việt Nam trong quan hệ với nhân dân các nước phát triển đa dạng. Trong những năm qua, hoạt động NGND Việt Nam đã góp phần phát huy vai trò mở đường, phá thế bao vây cấm vận, từng bước mở cửa, hợp tác và hội nhập quốc tế. Báo cáo tổng kết đánh giá 25 năm đổi mới của Việt Nam năm 2011 cho thấy NGND góp phần không nhỏ vào thành công của ngoại giao trong phá thế bao vây cấm vận, từng bước hợp tác, hội nhập quốc tế, bảo vệ hòa bình, toàn vẹn lãnh thổ, tạo môi trường thuận lợi phát triển quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế quốc gia. Tuy nhiên bên cạnh đó NGND cũng bộc lộ những hạn chế cần được nghiên cứu, khắc phục vì vậy việc nghiên cứu NGND nhằm đánh giá tổng kết, chỉ ra vai trò, đặc điểm hoạt động NGND, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trong tương lai là yêu cầu thực tiễn đặt ra.

NGND có ưu thế tạo ra tiếng nói đa chiều từ các tầng lớp nhân dân: giới học giả, thanh niên, phụ nữ, các nhà đầu tư, kinh doanh, nghệ sỹ, nhà truyền thông, các tổ chức từ thiện, hỗ trợ nhân đạo, tạo ra nguồn lực đa dạng. Trong các tình huống ngoại giao Nhà nước, đối ngoại của Đảng không có lợi thế, NGND góp phần “phá băng”, “mở đường”, bổ sung nguồn lực, hỗ trợ cho công tác ngoại giao. Nghiên cứu hoạt động NGND góp phần phát huy vai trò, vị thế của nhân dân trong thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại, gắn kết cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam với nhân dân tiến bộ, yêu hòa bình trên thế giới. Qua đó cụ thể hóa, làm sáng tỏ các phương thức, nguồn lực, sự tương đồng và khác biệt về quan niệm, vai trò, đặc điểm NGND Việt Nam.

Mặc dù có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến NGND và hoạt động NGND Việt Nam, tuy nhiên việc nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống hoạt động NGND Việt Nam từ 2011-2018 dưới góc độ QHQT vẫn còn là khoảng trống.

Năm 2011-2018 là giai đoạn có nhiều thay đổi trong đường lối chính sách đối ngoại: Vai trò mở đường của ngoại giao được khẳng định trong đại hội XI và đặt ra yêu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động ngoại giao trong đại hội XII; Mục tiêu tối thượng của ngoại giao là đảm bảo lợi ích quốc gia dân tộc; từ nhân mạnh hội nhập kinh tế trong đại hội XI sang hội nhập quốc tế; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, coi trọng mở rộng quan hệ đối ngoại, củng cố tình đoàn kết, trao đổi kinh nghiệm với các Đảng cộng sản các nước có quan hệ thân thiết, láng giềng, khu vực trong tình hình mới. Việc nghiên cứu quá trình chuyển biến hoạt động NGND Việt Nam trong tổng thể mối quan hệ với đối ngoại của Đảng và ngoại giao Nhà nước từ 2011- 2018 sẽ tạo nền tảng, cơ sở cho việc nhận xét, nhìn nhận bản chất, đặc điểm của hoạt động NGND Việt Nam.

Từ nhận thức nêu trên, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề “***Hoạt động NGND Việt Nam từ 2011 đến năm 2018***” làm đề tài luận án tiến sỹ ngành Quan hệ quốc tế.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận án:

1) Phân tích, làm rõ sự chuyển biến của hoạt động ngoại giao nhân dân trong mối quan hệ tương tác với hoạt động đối ngoại của Đảng và ngoại giao Nhà nước thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại của Việt Nam từ năm 2011- 2018

2) Làm rõ đặc điểm, vai trò của quá trình hoạt động NGND Việt Nam từ năm 2011- 2018

Để đạt được các mục tiêu trên, nhiệm vụ của luận án tập trung nghiên cứu và làm rõ các nội dung chính như sau:

1) Chỉ ra cơ sở hoạt động NGND Việt Nam từ năm 2011-2018

2) Phân tích thực trạng hoạt động NGND Việt Nam từ năm 2011-2018 trên các lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội, thông tin đối ngoại từ 2011-2018.

3) Nhận xét kết quả hoạt động NGND từ năm 2011-2018, chỉ ra bài học kinh nghiệm và đề xuất ý kiến góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động NGND

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là mối quan hệ tương tác giữa NGND với công tác đối ngoại của Đảng và ngoại giao Nhà nước của Việt Nam trong thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại từ 2011-2018.

Phạm vi nghiên cứu về mặt nội dung: Luận án nghiên cứu hoạt động NGND Việt Nam trong thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại trên lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội, thông tin đối ngoại trong giai đoạn từ 2011-2018; tập trung chủ yếu vào hoạt động NGND của các tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho nhân dân mà Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam (VUFO) là cơ quan đầu mối.

Phạm vi nghiên cứu về mặt không gian: Phạm vi không gian nghiên cứu chủ yếu là ở Việt Nam, tuy nhiên các hoạt động của người Việt Nam ở nước ngoài thông qua các tổ chức hội: Hội sinh viên, luật gia, nông dân, hội phụ nữ, đại diện công đoàn cùng các tổ chức, cá nhân trực thuộc VUFO tham gia, tổ chức hoạt động NGND ở nước ngoài cũng được tác giả chọn lọc nghiên cứu một số hoạt động cụ thể nhằm làm rõ thực trạng NGND Việt Nam trong quan hệ với các tổ chức nhân dân ở nước ngoài..

Phạm vi nghiên cứu về mặt thời gian: giai đoạn 2011-2018. Tác giả lấy năm 2011 là mốc khởi đầu nghiên cứu vì: *Thứ nhất*, năm 2011, Việt Nam đánh giá toàn diện công tác ngoại giao sau 25 năm đổi mới đất nước. Đảng cộng sản Việt Nam có sự thay đổi nhận thức, đánh giá về vai trò vị trí của ngoại giao và tư duy đối ngoại ngoại đề ra trong Đại hội XI: chuyển từ chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sang chủ động tích cực hội nhập quốc tế, chỉ rõ nhiệm vụ của công tác ngoại giao phải bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc, nêu rõ định hướng đối ngoại Đảng và NGND. *Thứ hai*, năm 2011 trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020* chỉ rõ cần kết hợp chặt chẽ đối ngoại của Đảng với ngoại giao của Nhà nước và NGND. Cương lĩnh phát triển *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (Bổ sung, phát triển năm 2011)* đặt ra yêu cầu cần ủng hộ, mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền, tăng cường hiểu biết hữu nghị nhân dân. Tuy nhiên để đảm bảo tính logic, kế thừa nhất quán, hoạt động NGND Việt Nam giai đoạn trước năm 2011 cũng được nghiên cứu một cách khái quát, hệ thống trong luận án.

Năm 2018 được chọn làm thời gian kết thúc nghiên cứu vì đây là thời điểm kết thúc bản thảo luận án, độ lùi về thời gian sẽ giúp cho nghiên cứu sinh có sự phân tích, nhận xét một cách chính xác về các đặc điểm vai trò của NGND Việt Nam

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận: Trong quá trình nghiên cứu hoạt động NGND Việt Nam tác giả sử dụng cách tiếp cận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, thế giới quan của chủ nghĩa Mác-Lênin, các quan điểm về vận động, nguyên lí phát triển, nguyên lí về mối liên hệ phổ biến và quan điểm toàn diện được áp dụng như những phương pháp nghiên cứu trong luận án.

Cơ sở lý luận: NGND Việt Nam dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng cộng sản Việt Nam có những đặc điểm riêng, trong quá trình nghiên cứu cần dựa trên cơ sở các quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quan hệ quốc tế, ngoại giao và NGND. Ngoài ra những vấn đề lý luận về công tác dân vận cũng được sử dụng làm căn cứ nhằm chỉ rõ cơ sở hoạt động NGND Việt Nam giai đoạn 2011-2018.

Bổ trợ cho cơ sở lý luận chính trị nêu trên, các lí thuyết về quan hệ quốc tế như chủ nghĩa Mác-xít, chủ nghĩa tự do, lí thuyết về hợp tác và hội nhập, các quan điểm về chủ thể QHQT, lợi ích, công cụ trong QHQT cũng được tác giả vận dụng nhằm làm rõ đặc điểm, vai trò, phương thức thực hiện của NGND.

Phương pháp nghiên cứu: Hoạt động NGND Việt Nam diễn ra trong mối quan hệ tương tác với hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước, có tác động đến quan hệ Việt Nam với nhân dân các nước, tổ chức khu vực, quốc tế trên các lĩnh vực khác nhau vì vậy các phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ đạo như: pháp nghiên cứu lịch sử-lôgic; phân tích-tổng hợp; so sánh-đối chiếu; thống kê xã hội học, quan sát, mô tả, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp phân tích, giải thích, nhằm làm rõ chuyển biến, kết quả hoạt động NGND Việt Nam.

NGND có chủ thể thực hiện đa dạng nhằm tác động đến nhân dân các nước vì vậy để nghiên cứu chỉ ra đặc điểm cơ bản của hoạt động NGND tác giả vận dụng lý luận về công tác dân vận, vận động quần chúng thông qua các hoạt động chia sẻ, hỗ trợ, vì lợi ích mà còn bao gồm bằng thuyết phục, giải thích, tuyên truyền đối ngoại. Qua đó đánh giá

công tác vận động nhân dân đoàn kết, ủng hộ đường lối, chính sách, hướng dẫn tổ chức phong trào nhân dân, các hội quần chúng, các tổ chức xã hội dân sự tham gia vào hoạt động NGND.

Ngoài ra, các phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp hệ thống, phương pháp nghiên cứu mô tả lịch sử được sử dụng nhằm tái hiện thực trạng hoạt động NGND Việt Nam giai đoạn 2011-2018. Phương pháp logic, so sánh lịch sử được sử dụng phân tích, lý giải nguyên nhân hoạt động NGND, so sánh sự thay đổi về mục tiêu, nội dung, chủ thể, đối tượng và phương thức hoạt động NGND. Phương pháp hệ thống được sử dụng trong nghiên cứu nhằm đảm bảo việc phân tích hoạt động NGND trong bối cảnh cụ thể của tình hình thế giới, khu vực và Việt Nam, từ đó làm rõ những nhân tố tác động đến hoạt động NGND Việt Nam giai đoạn 2011-2018.

Ngoài ra hoạt động NGND trên các lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa xã hội, thông tin đối ngoại mang chất liên ngành, đa ngành nên những phương pháp nghiên cứu kể trên sẽ được kết hợp và vận dụng linh hoạt trong quá trình nghiên cứu. Sự kết hợp các phương pháp nghiên cứu giúp tác giả xem xét hoạt động NGND trong tổng thể giai đoạn 2011-2018 với nhiều nhân tố tác động theo tuyến tính thời gian có nhiều biến đổi từ yếu tố nội tại, môi trường khu vực và quốc tế. Điều này giúp tác giả nhận biết nguyên nhân, diễn biến, đặc điểm, kết quả và các tương tác, chuyển động của NGND Việt Nam trong thực hiện chính sách đối ngoại.

5. Đóng góp của luận án

Trên cơ sở kế thừa và phát triển kết quả nghiên cứu từ nhiều công trình khoa học tiêu biểu trong nước và ngoài nước về NGND Việt Nam, luận án có những đóng góp như sau:

Trước hết, trên cơ sở nghiên cứu khái quát toàn bộ NGND Việt Nam thông qua việc phân tích, đánh giá cơ sở hoạt động, nhân tố tác động và thực trạng NGND trong thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại trên các lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội, thông tin đối ngoại từ năm 2011-2018, luận án khắc họa bức tranh toàn diện hoạt động NGND của các tổ chức chính trị-xã hội đại diện cho các tầng lớp nhân dân Việt Nam do VUFO là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chính.

Thứ hai, luận án đóng góp cơ sở lý luận cho việc phân tích các hoạt động NGND Việt Nam trong bối cảnh quan hệ NGND trên thế giới có sự thay đổi. Luận án cung cấp cách tiếp cận từ chủ thể của hoạt động ngoại giao, cách tiếp cận lịch sử và tiếp cận đa ngành nhằm phân tích, đánh giá hoạt động NGND Việt Nam trong bối cảnh các chủ thể QHQT phi quốc gia ngày càng phát triển, hoạt động trên nhiều lĩnh vực và có tiếng nói ngày càng quan trọng tại các diễn đàn, tổ chức khu vực, quốc tế. Điều này được phản ánh trong quá trình phân tích hoạt động NGND Việt Nam theo các mốc lịch sử, trên các lĩnh vực và trong quan hệ với các tổ chức, cơ chế hợp tác, diễn đàn ngoại giao nhân dân song phương, đa phương ở khu vực và trên thế giới.

Thứ ba, luận án đề cập, phân tích thực trạng và kết quả hoạt động NGND Việt Nam trong tương tác với hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại. Điều này góp phần tạo cơ sở cho việc hoạch định, phân vai thực thi chính sách đối ngoại cho NGND Việt Nam trong bối cảnh khoa học công nghệ, truyền thông mạng xã hội, hợp tác hội nhập quốc tế diễn ra nhanh chóng và NGND trên thế giới phát triển mạnh mẽ hiện nay. Đồng thời, đây cũng là cơ sở thực tiễn cho nghiên cứu sinh đưa ra nhận xét, kinh nghiệm và kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động NGND.

Cuối cùng, về mặt tư liệu, luận án tập hợp và xử lý tài liệu tham khảo của các tác giả trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động NGND Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội, thông tin đối ngoại từ năm 2011-2018 để nghiên cứu, phân tích. Nguồn tư liệu cùng với kết quả nghiên cứu của luận án là cơ sở chỉ ra đặc điểm, định vị vai trò của hoạt động NGND Việt Nam. Luận án cũng là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu, giảng dạy lịch sử ngoại giao, NGND Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần vào việc hoạch định và triển khai hoạt động NGND của Đảng, Nhà nước, VUFO, các tổ chức đại diện cho nhân dân, cơ quan đoàn thể và công dân trong hoạt động NGND.

6. Nguồn tài liệu tham khảo

Nguồn tài liệu phục vụ cho nghiên cứu của luận án gồm hai nhóm chính:

Nhóm thứ nhất: Các văn kiện, đường lối chính sách, chỉ thị, công văn, nghị định, quy định, của Đảng, Nhà nước Việt Nam về NGND và hoạt động NGND được in ấn

phát hành rộng rãi và đăng tải trên website của Đảng, Nhà nước và các cơ quan đơn vị tổ chức hoạt động NGND. Đây là nguồn tài liệu quan trọng cung cấp những thông tin cơ bản về chủ trương đường lối CSDN, vai trò, vị trí, chủ thể, mục tiêu, đối tượng, phương thức tổ chức các hoạt động NGND của Việt Nam.

Nhóm thứ hai: Các báo cáo tổng hợp, tài liệu, bài viết, đánh giá của các bộ, ban ngành, các cơ quan, tổ chức đoàn thể chịu trách nhiệm, thực hiện, tham gia phối hợp tổ chức hoạt động NGND Việt Nam, đặc biệt nguồn tư liệu của cơ quan đầu mối của các hoạt động NGND đó là VUFO.

Các công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài về lý luận, thực tiễn liên quan đến NGND và hoạt động NGND Việt Nam được viết hoặc dịch ra bằng tiếng Việt và tiếng Anh; Các công trình sách chuyên khảo, bài viết nghiên cứu, kỉ yếu hội thảo của các học giả Việt Nam có liên quan đến đề tài.

Nguồn tài liệu trong nhóm thứ hai cung cấp các khái niệm, đặc điểm, hoạt động, số liệu thống kê về NGND Việt Nam giúp nghiên cứu sinh tiếp thu, hiểu được quan hệ tương tác của NGND với đối ngoại Đảng và ngoại giao Nhà nước. NGND Việt Nam trong quan hệ với nhân dân các nước, các cơ chế, tổ chức hợp tác nhân dân ở vực và trên thế giới. Các quan điểm, nhận định, đánh giá của các tác giả về hoạt động NGND, cơ chế hợp tác nhân dân đã cung cấp thông tin, luận điểm, cách tiếp cận vấn đề và phương pháp nghiên cứu. Đây là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng, hữu ích, giúp nghiên cứu sinh kế thừa, bổ sung, tham chiếu đánh giá và đề xuất định hướng phát triển hoạt động NGND Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các từ viết tắt, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương với những nội dung chính như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu về đề tài

Trong chương đầu tiên, nghiên cứu sinh chọn lọc, điem qua những công trình nghiên cứu bằng tiếng Anh, tiếng Việt của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước phù hợp đề tài nghiên cứu của luận án. Trên cơ sở đó nghiên cứu sinh rút ra nhận xét, xác định được các vấn đề, luận điểm có giá trị cho nghiên cứu luận án, đồng thời xác

định những “khoảng trống” trong nghiên cứu mà luận án có thể góp phần giải quyết vấn đề.

Chương 2. Cơ sở hoạt động ngoại giao nhân dân Việt Nam (2011-2018)

Trong chương này, nghiên cứu sinh trình bày cơ sở lý luận, pháp lý và những cơ sở thực tiễn (chính là những nhân tố) chi phối, tác động đến hoạt động NGND Việt Nam từ năm 2011-2018. Phần cơ sở lý luận chung đề cập đến quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về NGND và quan điểm của các nhà nghiên cứu nước ngoài về NGND. Các khái niệm liên quan đến hoạt động NGND, hoạt động NGND Việt Nam, mối quan hệ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và NGND cũng được làm rõ.

Chương 3. Thực trạng hoạt động ngoại giao nhân dân Việt Nam (2011-2018)

Đây là một chương trọng tâm của luận án do tập trung làm rõ mục tiêu, phân tích quá trình hoạt động ngoại giao của các tổ chức đại diện cho nhân dân mà VUFO là đầu mối trong quan hệ tương tác với công tác đối ngoại của Đảng và ngoại giao Nhà nước trong các lĩnh vực chủ yếu: chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội thông tin đối ngoại và công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Những kết quả đạt được của hoạt động NGND trong thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại từ năm 2011-2018.

Chương 4. Nhận xét, kinh nghiệm và đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động ngoại giao nhân dân Việt Nam

Trên cơ sở nội dung ở ba chương nêu trên, nghiên cứu sinh đưa ra nhận xét tổng thể về thành công, hạn chế của hoạt động NGND Việt Nam, chỉ ra nguyên nhân thành công, hạn chế và rút ra đặc điểm của NGND Việt Nam. Từ các đặc điểm của NGND Việt Nam, chỉ ra kinh nghiệm hoạt động NGND, đây cũng là cơ sở định vị vai trò của hoạt động NGND, qua đó nêu một số đề xuất góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động NGND trong thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ ĐỀ TÀI

1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về ngoại giao nhân dân trên thế giới

1.1.1. Những công trình nghiên cứu về lý luận, nội hàm khái niệm, vai trò, bản chất của hoạt động ngoại giao nhân dân

NGND là chủ đề thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các học giả trên thế giới. Ở mỗi quốc gia, căn cứ vào các nguồn lực và mục tiêu chính sách đối ngoại các quan điểm lý thuyết về NGND rất đa dạng tuy nhiên giữa các quan điểm có sự thống nhất đó là: NGND thuộc ngoại giao kênh hai, không mang tính đại diện cho nhà nước; NGND bổ sung những hạn chế của ngoại giao nhà nước với những khuôn khổ nguyên tắc có đi có lại khó bao quát hết các lĩnh vực ngoại giao; NGND huy động được các nguồn lực đa dạng trong thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại; NGND xây dựng uy tín, phát huy ảnh hưởng, sức cạnh tranh của quốc gia. Tuy nhiên các công trình đề cập đến NGND Việt Nam của nước ngoài còn hạn chế về cả số lượng, phạm vi vì vậy cần được nghiên cứu bổ sung.

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu thực trạng, giải pháp, tổng kết hoạt động ngoại giao nhân dân

Các công trình nghiên cứu thực trạng, giải pháp và tổng kết đánh giá hoạt động NGND ở nước ngoài rất đa dạng, trên cơ sở nghiên cứu hoạt động NGND của một số nước như Trung Quốc, Mỹ và một số nước châu Âu cho thấy các tác giả chỉ ra những luận điểm quan trọng. Việc khai thác truyền thông, mạng xã hội là một trong những phương thức thực hiện NGND có nhiều lợi thế cho các lĩnh vực hoạt động NGND; NGND thông qua các hoạt động phi chính phủ, hình thành các cơ chế, tổ chức, diễn đàn hợp tác nhân dân đấu tranh trên các lĩnh vực cụ thể mang lại hiệu quả; chính phủ cần có sự chuẩn bị cho mỗi công dân có thể sẵn sàng trở thành một nhà NGND; NGND diễn ra trên các lĩnh vực khác nhau trong đó nội dung văn hóa, khoa học, chia sẻ rủi ro được coi trọng do hiệu quả trong thực tiễn nó mang lại. Các công trình nghiên cứu về hoạt động NGND các nước ở Việt Nam trên các lĩnh vực khá đa dạng nhưng chủ yếu nội dung đơn lẻ trong từng lĩnh vực, không có công trình nào của học giả nước ngoài nghiên cứu hoạt động NGND Việt Nam từ năm 2011 -2018.

1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về ngoại giao nhân dân Việt Nam

1.2.1. Nhóm công trình nghiên cứu lý luận về ngoại giao nhân dân Việt Nam

Ở Việt Nam nhiều công trình nghiên cứu về NGND với các quan điểm khá đa dạng, qua mỗi thời kỳ các quan điểm về NGND có sự kế thừa và bổ sung đó là các quan điểm về công tác dân vận, “lấy dân làm gốc” “ngoại giao tâm công”- thu phục

lòng dân trong lịch sử ngoại giao Việt Nam. Có nhiều công trình đề cập đến quan điểm về vai trò của đoàn kết giai cấp công nhân, nhân dân lao động của chủ nghĩa Mác-Lênin vận dụng trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Các công trình nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh về NGND và các công trình triển khai đường lối chính sách đối ngoại từ các văn kiện đại hội của Đảng cộng sản trong đó có NGND rất đa dạng, tuy nhiên quá trình hoạt động NGND trong mối quan hệ tương tác với đối ngoại của Đảng và ngoại giao Nhà nước từ năm 2011-2018 chưa được nghiên cứu một cách hệ thống.

1.2.2. Nhóm công trình nghiên cứu thực trạng, giải pháp, tổng kết hoạt động ngoại giao nhân dân Việt Nam

Các công trình nghiên cứu thực trạng, đánh giá tổng kết hoạt động NGND Việt Nam rất đa dạng, đề cập đến các hoạt động NGND của các tổ chức nhân dân, cơ quan đoàn thể, các tầng lớp nhân dân. Các hoạt động NGND thông qua các hội nghị Việt Nam với các nước và hoạt động NGND đa phương do Liên Hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam thực hiện. Các bài viết đề cập, tản mạn những khía cạnh nhất định của NGND song chưa có công trình nào nghiên cứu tổng thể hoạt động NGND Việt Nam từ 2011-2018

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO NHÂN DÂN VIỆT NAM (2011-2018)

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Một số khái niệm

Có nhiều khái niệm liên quan đến hoạt động NGND, hoạt động đối ngoại nhân dân của tổ chức đại diện cho nhân dân, tổ chức xã hội dân sự, công tác dân vận, ngoại giao công chúng, ngoại giao công dân, cơ chế hợp tác nhân dân. Sự tương đồng giữa các quan niệm này đó là các khía cạnh, lĩnh vực khác nhau trong mối quan hệ giữa nhân dân các nước rất đa dạng, các hoạt động hướng đến công chúng quốc tế, nhân dân thế giới được thực hiện không mang tính chính thức song có thể được các chính phủ tài trợ trực tiếp hoặc gián tiếp.

Ở Việt Nam Hoạt động ngoại giao nhân dân (people to people diplomacy) Việt Nam do các tổ chức đại diện cho các tầng lớp nhân dân trong đó các tổ chức chính trị

-xã hội, tổ chức đoàn thể quần chúng là nòng cốt thực hiện, VUFO là cơ quan đầu mối. NGND là bộ phận cấu thành quan trọng của công tác đối ngoại tổng thể và toàn diện của Việt Nam, đây là các hoạt động đối ngoại không thuộc ngoại giao Nhà nước và đối ngoại của Đảng nhưng gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ, đồng hành cùng với công tác đối ngoại của Đảng và ngoại giao Nhà nước.

2.1.2. Lý luận về ngoại giao nhân dân

Các quan điểm lý luận về NGND Việt Nam có sự kế thừa quan điểm về vai trò của nhân dân trong lịch sử ngoại giao Việt Nam; sự kết hợp các quan điểm này với quan điểm của chủ nghĩa Mác –Lênin về vai trò sứ mệnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động của chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo nên hệ thống quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh về NGND, công tác dân vận, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; các quan điểm thừa nhận vai trò của chủ thể quan hệ quốc tế phi quốc gia trong quan hệ quốc tế của chủ nghĩa tự do trong bối cảnh hợp tác và hội nhập quốc tế đa dạng và sâu rộng hiện nay. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về NGND qua các kỳ đại hội có sự kế thừa, bổ sung và phát triển trong đại hội XI, XII.

Cùng với đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước NGND trở thành ba trụ cột của ngoại giao Việt Nam, mối quan hệ giữa ba chủ thể của hoạt động ngoại giao này đều chịu sự lãnh đạo thống nhất của Đảng cộng sản, có cơ chế phối hợp, huy động nguồn lực trong thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại.

Chủ thể của hoạt động NGND là các tổ chức nòng cốt đại diện cho các tầng lớp nhân dân: các tổ chức chính trị-xã hội nghề nghiệp, các hội quần chúng, mỗi công dân và VUFO. Mục đích của hoạt động NGND thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại; tạo lập, quy trì, phát triển quan hệ với nhân dân nước khác trên nhiều lĩnh vực thông qua hoạt động của các hội hữu nghị, các tổ chức, diễn đàn, cơ chế hợp tác nhân dân đa phương. NGND giữ vai trò tiên phong, mở đường, tạo môi trường cho các hoạt động ngoại giao trên các lĩnh vực khác diễn ra thuận lợi; Các đối tác chủ yếu của NGND là nhân dân các nước láng giềng, các nước bạn bè truyền thống, các nước có vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại, các nước lớn và nhân loại. Các phương thức hoạt động NGND rất đa dạng, linh hoạt song đều tuân thủ nguyên tắc thống nhất

dưới sự lãnh đạo của Đảng, vì lợi ích quốc gia dân tộc, phát triển quan hệ hợp tác với nhân dân các nước,

2.2. Cơ sở pháp lý

2.2.1. Cơ cấu tổ chức của hoạt động ngoại giao nhân dân Việt Nam

Các tổ chức tham gia vào hoạt động NGND Việt Nam rất đa dạng với tổng số hơn 400 tổ chức nhân dân và được phân loại và tổ chức cơ cấu như sau: Các tổ chức đại diện cho các tầng lớp nhân dân: Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, các tổ chức nhân dân này hiện hữu trong các cơ quan, tổ chức của các Bộ, ban ngành các cấp ở Việt Nam.

Ủy ban Mặt trận tổ quốc là bộ phận trong hệ thống chính trị của Việt Nam do Đảng lãnh đạo. *VUFO là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động NGND* do Ban Bí thư chỉ đạo và Chính phủ quản lý. Hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và NGND không loại trừ nhau mà có sự gắn bó, bổ trợ cho nhau theo cơ chế hợp tác, phối hợp trong hoạt động thực tiễn. Sự kết hợp này là sự sáng tạo, với thế ba chân kiềng vững chắc NGND phát huy vai trò tích cực, chủ động, huy động nguồn lực nhân dân trong triển khai nền ngoại giao toàn diện của Việt Nam.

2.2.2. Các văn bản quy định về hoạt động ngoại giao nhân dân Việt Nam

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức hoạt động NGND Việt Nam qua các thời khác nhau, nhiều văn bản pháp lý được ban hành tạo cơ sở cho các hoạt động NGND diễn ra thuận lợi. Hệ thống các văn bản có sự kế thừa, bổ sung qua các thời kỳ tập trung vào các khía cạnh: quản lý, chỉ đạo công tác đối ngoại của các tổ chức nhân dân; nhiệm vụ của VUFO; quy chế hoạt động viện trợ phi chính phủ, hoạt động của các tổ chức phi chính phủ quốc tế tại Việt Nam; quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức phi chính phủ; công tác người Việt Nam ở nước ngoài; hoạt động văn hóa, thông tin đối ngoại nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác, tình hữu nghị với nhân dân các nước.

Những căn cứ pháp lý tạo cơ sở cho hoạt động NGND từ 2011-2018 bao gồm các văn bản như sau: Nghị định số 06/2010/NĐ-CP quy định đối với cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan thường trực VUFO, Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 6/7/2011

về việc *Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới*; Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 28/8/2012 về “*Tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với các hội quần chúng*”; Quyết định 272-QĐ/TW, ngày 21/11/2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) về *Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại* Chỉ thị 45-CT/TW, ngày 19/5/2015 của Bộ chính trị về việc *tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài*; cùng một số các văn bản liên quan đến quy chế tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế tại Việt Nam, các quy định trong thông tin, văn hóa đối ngoại. Hệ thống các văn bản này đã tạo ra hành lang pháp lý cho hoạt động NGND.

2.3. Cơ sở thực tiễn

2.3.1. Khái quát thành tựu hoạt động ngoại giao nhân dân Việt Nam trước năm 2011

Trong lịch sử đấu tranh giành độc lập và giải phóng dân tộc, NGND đã được khẳng định được vai trò, đạt được nhiều thành tựu và để lại nhiều kinh nghiệm: Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hoạt động NGND gồm "ba tầng mặt trận": Mặt trận đoàn kết nhân dân trong nước, đoàn kết nhân dân trong nước với người Việt Nam ở nước ngoài; thành lập Mặt trận đoàn kết nhân dân Việt - Lào, Campuchia và Mặt trận đoàn kết nhân dân thế giới tạo ra sức mạnh to lớn đưa kháng chiến đến thắng lợi, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới. Thông qua các hội hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước, hoạt động của nhân dân Việt Nam trong các tổ chức, phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới đã góp phần huy động được sự ủng hộ to lớn của nhân dân thế giới cho Việt Nam.

2.3.2. Kinh nghiệm hoạt động ngoại giao nhân dân của một số nước

Qua quá trình hoạt động NGND của một số nước Trung Quốc, Pháp, Mỹ có thể rút ra một số kinh nghiệm: Sử dụng truyền thông, mạng xã hội toàn cầu là phương thức ưu tiên trong hoạt động NGND do dễ dàng vượt qua các rào cản biên giới địa lý, tốc độ phổ biến nhanh, đến nhiều đối tượng, đây là kênh thu thập dữ liệu đầu vào trong nền kinh tế tri thức hiện nay; Thông qua các hoạt động NGND, thông điệp của quốc gia cần trở thành ý kiến, quan điểm của công dân nước khác nhằm tác động đến

công luận thế giới; Các hoạt động NGND có thể kết hợp với các hoạt động hỗ trợ phi chính phủ, thành lập các tổ chức xã hội công dân hoạt động trên các lĩnh vực khác nhau qua đó xây dựng mối quan hệ tin cậy góp phần tạo môi trường hòa bình, thuận lợi cho các lĩnh vực ngoại giao; Đối tượng của NGND đa dạng, trọng tâm là những người có ảnh hưởng, thanh niên-thế hệ tương lai; NGND huy động được đa dạng chủ thể tự nhiên đầu tư các nguồn lực cho NGND đi liền với giá trị của hoạt động, sự tôn trọng đa dạng văn hóa và nhất quán về tổ chức quản lý.

2.3.3. Những nhân tố tác động đến hoạt động ngoại giao nhân dân Việt Nam

Nhu cầu phát triển hợp tác và hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng, diễn ra trên nhiều lĩnh vực và với nhiều chủ thể QHQT, để phát huy vai trò mở đường, hỗ trợ, và thực hiện mục tiêu nhiệm vụ của NGND đã thúc đẩy NGND cần được phát triển. Nhu cầu phát triển quan hệ với người nước ngoài của các tầng lớp nhân dân ngày càng gia tăng đã tạo nên sự tham gia tự nhiên của nhân dân vào hoạt động NGND. Điều này mang lại động lực, nguồn lực phát triển NGND song mặt khác cũng đặt ra những khó khăn thách thức cho NGND về nguồn lực, kỹ năng phương thức tổ chức hoạt động NGND, thông tin về các đối tác của NGND, sử dụng truyền thông mạng xã hội và ứng dụng khoa học trong tập hợp lực lượng, thông tin trong NGND, phát triển các chủ thể hoạt động NGND

Quá trình hợp tác, hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra trên nhiều lĩnh vực; những tiện ích, thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0 được ứng dụng trong hoạt động NGND của nhiều nước; các cơ chế, tổ chức hợp tác nhân dân mới ra đời hoạt động trên các lĩnh vực nhằm gia tăng lợi ích quốc gia, góp phần ngăn ngừa các mối đe dọa an ninh và an ninh phi truyền thống; quan hệ hợp tác, hội nhập quốc tế đồng thời cũng là quá trình các cường quốc cạnh tranh, gia tăng nguồn lực và củng cố uy tín vị thế thông qua các hoạt động hướng đến nhân dân, công luận quốc tế.

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO NHÂN DÂN VIỆT NAM (2011-2018)

3.1. Mục tiêu hoạt động ngoại giao nhân dân

Trên cơ sở mục tiêu chính sách đối ngoại của Việt Nam, hoạt động NGND Việt Nam có mục tiêu mở đường, hỗ trợ cho đối ngoại của Đảng và ngoại giao Nhà nước;

NGND nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc, củng cố và giữ vững môi trường hòa bình, tạo điều kiện cho các lĩnh vực ngoại giao khác diễn ra thuận lợi: Củng cố quan hệ nhân dân với các nước láng giềng, khu vực ASEAN, các nước bạn bè truyền thống, phát huy vai trò trong cơ chế hợp tác nhân dân ASEAN, thúc đẩy quan hệ với nhân dân các nước có vai trò vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam và nhân loại nói chung. NGND củng cố gắn kết quan hệ với người Việt Nam ở nước ngoài, thông tin đối ngoại, phát huy và quảng bá các giá trị văn hóa Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại góp phần nâng cao dân trí và nhận thức về hội nhập quốc tế.

3.2. Thực tiễn triển khai hoạt động ngoại giao nhân dân

3.1.1. Ngoại giao nhân dân trong lĩnh vực chính trị, an ninh

Thông qua nhiều hoạt động của các tổ chức nhân dân mà nòng cốt là VUFO và các tổ chức chính trị xã hội đã tổ chức nhiều hoạt động giao lưu nhân dân, giáo dục truyền thống, hỗ trợ, hợp tác nhân dân với các nước Lào, Campuchia, Trung Quốc trong xây dựng biên giới và hợp tác nhân dân vì hòa bình, hữu nghị hợp tác và an ninh.

NGND thông tin về đường lối chính sách đối ngoại của Việt Nam với nhân dân các nước, đấu tranh chống thông tin sai lệch, chống phá Việt Nam, thông tin xuyên tạc về quan hệ Việt Nam-Campuchia. Các tổ chức nhân dân trong và ngoài nước vận động tích cực nhân dân các nước ủng hộ lập trường Việt Nam trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển Đông.

NGND củng cố quan hệ với các đảng cộng sản trên thế giới và trong các cơ chế, tổ chức hợp tác nhân dân truyền thống, tham gia vào các cơ chế hợp tác nhân dân mới thành lập. Nhiều hoạt động NGND bày tỏ tấm lòng tri ân của nhân dân Việt Nam đến các cá nhân, tổ chức ủng hộ giúp đỡ Việt Nam. Các hoạt động NGND thúc đẩy tạo điều kiện cho cựu chiến binh Mỹ và các nước từng tham chiến ở Việt Nam hòa giải quan hệ cựu thù, thúc đẩy quan hệ hòa bình giữa các dân tộc.

3.1.2. Ngoại giao nhân dân trong lĩnh vực kinh tế

NGND góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ hợp tác, hội nhập về kinh tế diễn ra thuận lợi: Các hoạt động NGND thông qua các lễ hội ngành nghề, giới thiệu

tiềm năng, sản vật của các vùng miền góp phần, thu hút các nhà đầu tư, đối tác nước ngoài đến Việt Nam đầu tư, kinh doanh, du lịch, có hoạt động tình nguyện, hợp tác khoa học công nghệ, tư vấn, hợp tác khai thác tài nguyên, phá triển thị trường.

NGND hỗ trợ công tác ngoại giao phối hợp với các Bộ ban ngành vận động nguồn lực bên ngoài: vận động cộng đồng quốc tế, tập đoàn tài chính kinh tế, các quỹ, đầu tư, hỗ trợ, viện trợ phát triển ủng hộ Việt Nam. Chủ động tham gia các diễn đàn nhân dân trong đó hỗ trợ cải thiện sinh kế, thích ứng của người dân trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, xóa đói giảm nghèo, vận động đầu tư phát triển bền vững, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

3.1.3. Ngoại giao nhân dân trong lĩnh vực văn hóa-xã hội

Hoạt động NGND góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa, nâng cao dân trí, thông qua chức hội thảo, tọa đàm, trao đổi đoàn, giao lưu nhân dân trên các lĩnh vực khác nhau của các cơ quan, đoàn thể Việt Nam với các nước. Các hoạt động này cũng thu hút các tầng lớp nhân dân, trí thức, nhà khoa học, các nhà hoạt động chính trị - xã hội, chức sắc tôn giáo, tham gia tích cực, hiệu quả vào hoạt động NGND. Qua đó các giá trị văn hóa, lịch sử, thiên nhiên đất nước con người Việt Nam được quảng bá và khẳng định qua đó góp phần khẳng định uy tín, vị thế quốc gia và tiếp thu tinh hoa văn hóa các dân tộc khác.

3.1.4. Ngoại giao nhân dân trong thông tin đối ngoại

Hoạt động NGND thông tin đối ngoại đến nhân dân thế giới về đường lối chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam linh hoạt và sinh động nhờ sự đa dạng trong biểu đạt của NGND, tiếp thu thông tin về đời sống, sinh hoạt nhân dân các nước đến Việt Nam. NGND phát huy được ưu thế, vai trò trong xử lý các hành vi, phát ngôn thiếu tôn trọng văn hóa, lịch sử, thông tin sai lệch về Việt Nam của người nước ngoài một cách linh hoạt.

Hoạt động NGND gắn kết người Việt Nam ở nước ngoài hướng về tổ quốc. NGND thực hiện đoàn kết nhân dân trong nước với người Việt Nam ở nước ngoài qua đó bảo vệ lợi ích, quảng bá hình ảnh Việt Nam ở nước sở tại qua đó gắn kết các quan hệ trong các lĩnh vực khác nhau nhằm huy động nguồn lực trong NGND.

3.3. Kết quả hoạt động ngoại giao nhân dân

3.3.1. Thành công và nguyên nhân

NGND đạt được các mục tiêu đề ra, hỗ trợ tích cực cho đối ngoại của Đảng và Nhà nước, đoàn kết với nhân dân nước láng giềng xây dựng quan hệ nhân dân biên giới hòa bình, ổn định, hợp tác phát triển đi vào ổn định; củng cố quan hệ với các đảng cộng sản, các tổ chức hợp tác nhân dân như Hội đồng Hòa bình thế giới, Liên đoàn phụ nữ dân chủ, tổ chức công đoàn thế giới. Quan hệ với nhân dân các nước bạn bè truyền thống được củng cố, các tổ chức nhân dân Việt Nam có đóng góp trong cơ chế hợp tác nhân dân ASEAN, phát triển các hoạt động NGND trên các lĩnh vực khoa học, môi trường, khí hậu, chống các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống.

Các hoạt động NGND tập hợp được sức mạnh nhân dân trong và ngoài nước trong đó nhân dân Trung Quốc lên tiếng đấu tranh, phản đối các động thái của chính quyền Trung Quốc ở biển Đông; tích cực đấu tranh, huy động được sức mạnh trong nhân dân phản bác thông tin sai lệch, bôi xấu Việt Nam; góp phần quảng bá sinh động các giá trị văn hóa và đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam.

Nguyên nhân của thành công đó là huy động sức mạnh đoàn kết của nhân dân là nguồn nội lực quan trọng nhất trong hoạt động NGND; Huy động được các nguồn lực trong nhân dân tham gia NGND; sự kế thừa kinh nghiệm NGND trong lịch sử dân tộc; sự kế thừa, phát triển quan hệ nhân dân với các hội song phương, đa phương đồng thời phát triển các quan hệ này ngày càng đa dạng. Sự lãnh đạo sát sao, kịp thời của Ban bí thư, quá trình quản lý, điều phối, hợp tác hiệu quả của các bên trong hoạt động NGND

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Các hoạt động NGND với các nước có vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại Việt Nam phát triển còn chưa tương xứng với tiềm năng; Sự tham gia của người dân – chủ thể chính của hoạt động NGND ở một số lĩnh vực, ngành nghề còn thiếu chủ động, tự giác, tự nguyện. Sự phối hợp trong hoạt động còn chưa hiệu quả trong một số hoạt động; khả năng thích ứng, vận dụng tận dụng truyền thông mạng xã hội còn trong hoạt động còn hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế này là do ở một số lĩnh vực các tổ chức đại diện cho nhân dân làm việc trong các doanh nghiệp nước ngoài chưa coi trọng đúng mức NGND. Việc thông tin, bồi dưỡng kỹ năng NGND đến các tầng lớp nhân dân còn hạn chế, nguồn lực đầu tư cho NGND còn mỏng; Chưa khai thác tốt vai trò của truyền thông và mỗi người dân khi tham gia thực hiện NGND.

CHƯƠNG 4. NHẬN XÉT, KINH NGHIỆM VÀ ĐỀ XUẤT NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO NHÂN DÂN VIỆT NAM

4.1. Nhận xét về hoạt động ngoại giao nhân dân Việt Nam từ năm 2011-2018

4.1.1. Đặc điểm của hoạt động ngoại giao nhân dân Việt Nam từ 2011-2018

Hoạt động NGND Việt Nam do Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là cơ quan đầu mối, thông qua các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp, các tổ chức nòng cốt đại diện cho nhân dân thực hiện, tuy nhiên các hoạt động này đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của Ban bí thư Trung ương Đảng.

Ở hầu hết các nước hoạt động hướng đến nhân dân nước khác do chính phủ trực tiếp hoặc gián tiếp tài trợ thực hiện và ưu tiên các chương trình văn hóa, truyền thông thì ở Việt Nam NGND do các tổ chức đại diện cho các tầng lớp nhân dân thực hiện.

Với nguồn lực còn hạn chế, thông qua cơ chế phối hợp với đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước trong hoạt động, NGND có thể bổ sung nguồn lực, phương thức, biện pháp để tạo ra sức mạnh tổng hợp đạt được mục tiêu đối ngoại. NGND huy động được đa dạng nguồn lực xã hội, các chủ thể linh hoạt phân định vai trò trong tổ chức hoạt động NGND.

NGND linh hoạt, chủ động trong việc phân định đối tác hay đối tượng trong quá trình hoạt động, điều này đã giúp cho các nhà NGND Việt Nam sự linh hoạt trong tiếp xúc, giao lưu, hợp tác với nhân dân các nước, nhận diện quan hệ là hợp tác hay đấu tranh và tìm ra các bên có cùng lợi ích.

So với các giai đoạn trước năm 2011 về quan điểm đường lối chỉ đạo hoạt động NGND có những thay đổi về quan điểm, mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung và phương thức thực hiện.

4.1.2. Vai trò của ngoại giao nhân dân Việt Nam

NGND là một trong ba trụ cột của ngoại giao Việt Nam có vai trò tiên phong trong thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại nói chung: Giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định; huy động nguồn lực để phát triển đất nước; nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam; NGND giữ vai trò đi đầu trong việc huy động nguồn lực rộng rãi trong xã hội, hỗ trợ đối ngoại của Đảng và ngoại giao Nhà nước thực hiện mục tiêu chính sách đối ngoại.

Vai trò tiên phong của NGND Việt Nam thể hiện trong việc các tổ chức trực thuộc VUFO tham gia chủ động, có hiệu quả tại các diễn đàn nhân dân song phương, đa phương các cơ chế tổ chức hợp tác nhân dân trên các lĩnh vực khác nhau. Qua đó cùng đóng góp vào nỗ lực chung tay ứng phó với các mối đe dọa an ninh và an ninh phi truyền thống.

NGND có nhiệm vụ xây dựng một nền tảng xã hội tích cực và thuận lợi cho việc triển khai đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tạo môi trường hòa bình, thuận lợi cho các lĩnh vực ngoại giao khác diễn ra thuận lợi; Hoạt động NGND mở đường, tổ chức linh hoạt, tiếp cận nhiều đối tượng, có mạng lưới rộng rãi và các kênh tiếp xúc trực tiếp giữa con người với con người. Qua tiếp xúc trực tiếp có thể tạo ra sự thân thiện, hiểu biết lẫn nhau sâu sắc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai hoạt động đối ngoại, tạo cơ sở cho việc tuyên truyền đường lối chủ trương chính sách của Việt Nam.

4.2. Bài học kinh nghiệm trong hoạt động ngoại giao nhân dân

NGND xuất phát từ thái độ chân thành, sự tin cậy các hoạt động mang lại giá trị thực sự cho mối quan hệ nhân dân, vì hòa bình, hợp tác và phát triển; Nội dung trong các hoạt động NGND hướng đến giá chung của nhân loại, tìm ra vấn đề nhân dân các nước tham gia đều có chung lợi ích; tìm ra phương thức huy động được nguồn lực trong các tầng lớp nhân dân; Đầu tư khai thác các tiện ích từ truyền thông mạng xã hội trong NGND.

Trong từng mối quan hệ, chủ thể hoạt động NGND cần linh hoạt, chủ động nắm bắt, cập nhật thông tin chính thống và các nguồn tin cậy, phân biệt “đối tác” “đối tượng” trong quan hệ NGND.

Đầu tư các nguồn nhân lực cho NGND: bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng trong ứng xử, quan hệ với nhân dân các nước; Đa dạng, linh hoạt các phương thức tổ chức hoạt động NGND, cần coi trọng công tác truyền thông. Tổ chức hoạt động NGND trong mỗi vấn đề, lĩnh vực cụ thể song cần có hướng ưu tiên cho các nhân có ảnh hưởng, thanh thiếu niên, thế hệ kế cận nhằm tạo nền tảng lâu dài, vững chắc cho NGND.

4.3. Một số đề xuất góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động ngoại giao nhân dân

Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát tổ chức hoạt động NGND theo hướng chuyển từ chỉ đạo cụ thể theo vụ việc sang xây dựng các chủ trương, định hướng, phổ biến quan điểm, thông tin, quán triệt nhận thức, tổng kết đánh giá, giới thiệu kinh nghiệm, hướng dẫn, phân công và chỉ đạo sự phối hợp trong hoạt động NGND. Trong tổ chức hoạt động NGND, VUFO, các tổ chức đại diện cho nhân dân ở địa phương, cơ quan đoàn thể cần gắn kết chặt chẽ trong chia sẻ kinh nghiệm, nguồn lực và hỗ trợ hiệu quả cho nhau.

Trao quyền mạnh mẽ hơn cho cơ quan đầu mối tổ chức hoạt động NGND đủ sức mạnh về thực lực có khả năng điều phối cơ chế hợp tác, kết nối tổ chức huy động nguồn lực giữa các Bộ, ban ngành Đoàn thể, tổ chức đại diện cho nhân dân thực hiện hoạt động NGND.

Đối tượng hướng đến của hoạt động NGND ngày nay đã có sự thay đổi, nhân dân các nước bạn bè truyền thống, các tổ chức nhân dân đa phương có quan hệ tốt với nhân dân Việt Nam vẫn có vị trí quan trọng song cần coi trọng mở rộng quan hệ với nhân dân các nước có vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại, các cơ chế hợp tác nhân dân ra hiện nay,

Cần đa dạng biện pháp huy động nguồn lực trong NGND, không chỉ các tổ chức nòng cốt đại diện cho nhân dân mà cần gắn NGND với lợi ích của các doanh nghiệp, tầng lớp trí thức, các nhà khoa học, các nhà truyền thông, thanh niên, sinh viên để thu hút họ tham gia hoạt động NGND; sử dụng công nghệ thông tin, kết nối đa phương tiện trong NGND.

KẾT LUẬN

Hoạt động NGND Việt Nam 2011-2018 là chủ đề nghiên cứu có ý nghĩa đối với thực tiễn đối với chủ thể, lĩnh vực quan hệ ngoại giao Việt Nam với nhân dân các nước, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam mở cửa, hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay.

Tác giả đã hệ thống hóa và kế thừa kết quả của những nghiên cứu đã có liên quan đến NGND, làm rõ các khái niệm về NGND, đối ngoại công chúng, cơ chế hợp tác nhân dân, công tác dân vận, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội dân sự; làm rõ quan điểm của trường phái Mác xít, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như quan điểm, quy định của Đảng và Nhà nước Việt Nam về NGND, những kinh nghiệm hoạt động NGND là cơ sở nghiên cứu, phân tích, nhận xét hoạt động NGND Việt Nam từ 2011-2018.

Trên cơ sở lý luận, thực tiễn, pháp lý và những nhân tố tác động đến NGND cho thấy hoạt động NGND Việt Nam phát triển là yêu cầu tất yếu khác quan trong bối cảnh hợp tác và hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay. NGND tạo môi trường xã hội ổn định, thuận lợi để phát huy các nguồn lực trong NGND, hỗ trợ mở đường và tạo thuận lợi cho các lĩnh vực ngoại giao khác diễn ra thuận lợi, NGND góp phần thúc đẩy nâng cao dân trí, tìm kiếm thị trường, khách hàng, đối tác cho nhân dân trong các lĩnh vực khác nhau.

Qua việc phân tích quá trình phát triển của NGND Việt Nam, thực trạng hoạt động NGND của các tổ chức chính trị-xã hội đại diện cho các tầng lớp nhân dân Việt Nam do VUFO là cơ quan đầu mối trên các lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội, thông tin đối ngoại từ năm 2011-2018 cho thấy sự phân định rõ ràng NGND với đối ngoại giao Nhà nước không phải lúc nào cũng tương minh vì trong thực tế ba lĩnh vực này đồng hành, chuyên hóa linh hoạt. NGND giữ vai trò tiên phong, hỗ trợ tích cực khi đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước tiến hành có thể gặp những bất lợi; Trong các hoạt động đối ngoại chính thức, NGND vẫn được sử dụng bổ sung, hỗ trợ để các hoạt động ngoại giao diễn ra thuận lợi. Sự chuyển biến của của

hoạt NGND trong quan hệ tương tác với hoạt động đối ngoại của Đảng và ngoại giao Nhà nước diễn ra rất linh hoạt theo cơ chế phối hợp trong hoạt động. Điều này thể hiện rõ qua phân tích trường hợp: NGND trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển Đông; NGND trong quan hệ với nhân dân Mỹ; NGND trong việc tham gia cơ chế hợp tác nhân dân ASEAN; NGND trong quan hệ với Hội đồng hòa bình thế giới và Hội quốc tế ngữ toàn cầu.

Trong quá trình hoạt động NGND Việt Nam từ 2011-2018 bên cạnh những kết quả tích cực đạt được cũng chịu tác động tiêu cực từ nhiều khía cạnh: truyền thông mạng xã hội toàn cầu với thông tin thật giả, tốt xấu tác động đến các tổ chức nhân dân; sự lợi dụng việc thành lập các tổ chức xã hội dân sự tập hợp nhân dân thông tin sai lệch về Việt Nam trên các diễn đàn nhân dân; nhận thức về đa chiều về hoạt động viện trợ hỗ trợ còn những hạn chế nhất định; sự thay đổi của các cơ chế, diễn đàn, tổ chức nhân dân song phương và đa phương; các nguồn lực còn hạn chế và việc phối hợp trong hoạt động NGND còn lỏng lẻo. Tuy nhiên NGND vẫn tiếp tục phát huy vai trò là một trong ba trụ cột của ngoại giao Việt Nam vì đây là các hoạt động thực sự do các tổ chức đại diện cho các tầng lớp nhân dân thực hiện, vì lợi ích nhân dân, dân tộc, quốc gia. NGND có thể huy động đa dạng nguồn lực, phương thức tổ chức linh hoạt đồng thời có thể củng cố đoàn kết dân tộc, đoàn kết người Việt trong nước với người Việt Nam ở nước ngoài và đoàn kết quốc tế.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Ngô Thị Thúy Hiền (2016), “Sức mạnh mềm trong quan hệ quốc tế”, Đối ngoại công chúng mô hình hoạt động của một số nước trên thế giới và đề xuất đối với Việt Nam, *đề tài nghiên cứu khoa học Nafosted do PGS, TS. Phạm Minh Sơn chủ nhiệm*. Nxb Lý luận chính trị ISBN: 978-604-901-588-5, tr. 142-153.
2. Ngô Thị Thúy Hiền, (2018) “Ngoại giao nhân dân trong quan hệ Việt Nam- Nhật Bản”, *Tạp chí Thông tin đối ngoại*, tháng 9/2018, ISSN: 1859-0543, tr.36-40.
3. Ngô Thị Thúy Hiền (2020), “The sino–United State Competition in Shaping the Economic structure in the Asia-Pacific region” *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “The prospect of structure in Asia-Pacific to 2025 and Vietnam’s”*, Nxb Thế giới ISBN: 978-604-77-7805-8, tr. 119-124.
4. PGS, TS. Phạm Minh Sơn-Ngô Thị Thúy Hiền (2021), “Đấu tranh vì hòa bình, công bằng và tiến bộ xã hội của nhân dân các dân tộc thế giới trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị & Truyền thông*, số tháng 1-2021, ISSN: 1859-1485, tr. 6-13.
5. Ngô Thị Thúy Hiền (2021), “Tác động của các vấn đề an ninh phi truyền thống đến quan hệ quốc tế”, *sách chuyên khảo Vấn đề an ninh phi truyền thống*, TS. Lưu Thúy Hồng chủ biên (2021), Nxb Chính trị quốc gia sự thật ISBN: 987-604-345-097-2. Tr.71-130
6. Ngô Thị Thúy Hiền (2021), “ASEAN's people-to-people cooperation in hunger eradication and poverty reduction in Southeast Asia (2009-2020)”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, “The security and development issues in the situations”*, Nxb Thế giới ISBN: 978-604-345-114-6, tr.263-283.
7. Ngô Thị Thúy Hiền (2021), “Scientific communication in public diplomacy: an important factor in implementing Vietnam's comprehensive diplomacy”, *kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “Science Communication: Managing the Now and the Future” ngày 20/7, Organized by: Asian Media Information and Communication Centre and Academy of Journalism and Communication, Vietnam, Published by the Asian Media Information and Communication Centre, City of Manila, Philippines* ISSN: 2599-4743, tr.33

8. Ngô Thị Thúy Hiền (2022), “Communist Party of Vietnam in promoting national strength with the strength of the times from 2016-2021”, *kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “The Vietnamese Communist Party combines strength of nation and era”*, Nxb Moscow University Press ISSN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Nghiên cứu sinh

Ngô Thị Thúy Hiền